

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.22

Group 114
Round 1

WHITE Zuo, Jimmy											
BLACK Pu, Jinyang											
FED CHN						RESULT (W) 1					
FED TPE						RESULT (B) 0					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	g5	21			41			61		
2	Nf3	c6	22			42			62		
3	h3	d5	23			43			63		
4	exd5	exd5	24			44			64		
5	Bb5	f6	25			45			65		
6	Bd7	g6	26			46			66		
7	O-O	Nf6	27			47			67		
8	Re1	Re7	28			48			68		
9	d4	g4	29			49			69		
10	Nc3	Bd7	30			50			70		
11	Nd4	g4	31			51			71		
12	Bb5	g4	32			52			72		
13	Bh4	g4	33			53			73		
14	g4	h4	34			54			74		
15	g4	h4	35			55			75		
16	Re1	g4	36			56			76		
17	Re3	g5	37			57			77		
18	Bb3	g5	38			58			78		
19	Bb3	g5	39			59			79		
20	Nd5	g5	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Zuo, Jimmy				Pu, Jinyang				王天瑜			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/22

Group 114
Round 1

WHITE Zuo, Jimmy											
BLACK Pu, Jinyang											
FED						RESULT (W) 1					
FED						RESULT (B) 0					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21			41			61		
2	Nf3	e6	22			42			62		
3	h3	d5	23			43			63		
4	exd5	exd5	24			44			64		
5	Bb5	Bd7	25			45			65		
6	Bd7	Qd7	26			46			66		
7	O-O	Nf6	27			47			67		
8	Re1	Bc7	28			48			68		
9	d4	O-O	29			49			69		
10	Nc3	cxg4	30			50			70		
11	Nxg4	Nc6	31			51			71		
12	Bb5	h6	32			52			72		
13	Bh4	Rf8	33			53			73		
14	Qd3	Nxg4	34			54			74		
15	Qxg4	Re8	35			55			75		
16	Re1	Qc7	36			56			76		
17	Qd3	g5	37			57			77		
18	g3	Qd7	38			58			78		
19	Bb5	g5	39			59			79		
20	Nxg5	1-0	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Zuo, Jimmy				Pu, Jinyang				王天瑜			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date August 22

Group
Round 1
Board 2

WHITE Decasa Basilio Lionel						FED PHI		RESULT (W) 0			
BLACK Lee Jinwoo						FED KOR		RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	as	h4	41			61		
2	c4	e6	22	Nf1	Qd7	42			62		
3	Nc3	Bb4	23	Reb1	bxa2	43			63		
4	f3	d5	24	Rxa2	Nc6	44			64		
5	a3	Bxc3	25	Ra1b5	h3	45			65		
6	bxc3	Nbd7	26	g3	Ng5	46			66		
7	e3	g6	27	Qf2	Qb5	47			67		
8	exd5	exd5	28	Nd2	Rc2	48			68		
9	Bd3	Bb7	29	Bc2	Rf2	49			69		
10	Ne2	Rc8	30	Bxd2	Nc3	50			70		
11	O-O	O-O	31	Kh1	Ng4	51			71		
12	Ng3	Re8	32	Qe2	Nd4	52			72		
13	Rc1	o5	33	Qc1	Qc4	53			73		
14	a4	Nf8	34	kg1	Qg2	54			74		
15	Ba3	g6	35			55			75		
16	Rb1	cxh4	36			56			76		
17	cxh4	h5	37			57			77		
18	Qd2	Bc6	38			58			78		
19	Bf5	Bxb5	39			59			79		
20	Rxb5	Rc4	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
J			lee			王天琦					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/22

Group
Round 1
Board 2

WHITE						FED		PHI		RESULT (W)	
BLACK						FED		KOR		RESULT (B)	
Decasa Basilio Lionel											
Lee Jiwoo											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	a5	h4	41			61		
2	c4	e6	22	nf1	Qd7	42			62		
3	Nc3	Bb4	23	Red1	bxc5	43			63		
4	f3	d6 5	24	Rxa5	Nt6	44			64		
5	a3	Bxc3	25	Ra6 5	h3	45			65		
6	bxc3	Nbd7	26	g3	Nb5	46			66		
7	e3	b6	27	Qf2	Qa5	47			67		
8	exd5	exd5	28	Nd2	Rc2	48			68		
9	Bd3	Bb7	29	Bc1	Rxd2	49			69		
10	Ne2	Rc8	30	Bxd2	Nxf3	50			70		
11	O-O	O-O	31	h1	Ng4	51			71		
12	Ng3	Re8	32	Qe2	Nxd4	52			72		
13	Rc1	c5	33	Qc1	Qe4	53			73		
14	a4	Nf8	34	kg1		54			74		
15	Ba3	g6	35			55			75		
16	Rb1	cxh4	36			56			76		
17	cxh4	h5	37			57			77		
18	Qc2	Bb6	38			58			78		
19	Bb5	Bxb5	39			59			79		
20	Rxb5	Rc4	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
J			lee			王天琦					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 27/8/26 Board 3

Group U14 Boys
Round 1

WHITE Kartikeyan Rajendran											
BLACK Wu, Xing											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Rd4	Bxe5	41			61		
2	Nf3	Nc6	22	Rxd8	Ke7	42			62		
3	Nc3	Nf6	23	Rd4	Bf5	43			63		
4	d4	exd4	24	Rh4	Bxc2	44			64		
5	Nxd4	Bb4	25	Rc4	Bb6	45			65		
6	Nxc6	bxc6	26	Rcc7	Kf6	46			66		
7	Bd3	d5	27	Rc7	h4	47			67		
8	Bd2	O-O	28	Rh5	g6	48			68		
9	O-O	Bxc3	29	h4	Be6	49			69		
10	Bxc3	dxc3	30	Kh2	Kg7	50			70		
11	Bxf6	Qxf6	31	Kg3	Bf5	51			71		
12	Bxe4	Qxb7	32	Rxf7	gxf7	52			72		
13	Bxc6	Rb8	33	Kf9		53			73		
14	Rb1	Qxb1	34			54			74		
15	Qxb1	Rxb1	35			55			75		
16	Rb1	Rd8	36			56			76		
17	Rf3	Rd8	37			57			77		
18	Bc4	Bc6	38			58			78		
19	Rb4	Ba2	39			59			79		
20	Ra5	Bb7	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.22 Board 3

Group U14
Round 1

WHITE Rajendran, Kartikeyan											
BLACK Wu, Xing											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Rd4	Bxe4	41			61		
2	Nf3	Nc6	22	Rd8	Ke7	42			62		
3	Nc3	Nf6	23	Rd4	Bf5	43			63		
4	d4	ed	24	Rd4	Bc2	44			64		
5	Nd4	Bb4	25	Rc4	Bb6	45			65		
6	Nxc6	bxc6	26	Rc7	Kf6	46			66		
7	Bd3	d5	27	Rc7	h5	47			67		
8	Bd2	O-O	28	Rc5	g7	48			68		
9	O-O	Bc3	29	h4	Bc6	49			69		
10	Bc3	de	30	Kc2	Kg7	50			70		
11	Bf6	Qf6	31	Kg3	Bf5	51			71		
12	Bef	Qb2	32	Rf5	gf	52			72		
13	Bc6	Rb8	33	Rd4		53			73		
14	Rd	Qd	34			54			74		
15	Qb1	Rb1	35			55			75		
16	Rb1	Rd8	36			56			76		
17	h3	Kf8	37			57			77		
18	Bef	Bc6	38			58			78		
19	Rd4	Bc2	39			59			79		
20	Rd4	Rd5	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026/8/2 Board 4

WHITE Chen, Yi-Hsiung Gabriel										FED TPE	RESULT (W)
BLACK Song, Jihnu										FED KOR	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Rxd7	Rd7	41	Nd4	Nxd4	61	Kf2	Kf2
2	Nf3	g6	22	Nc5	Rc7	42	cxd4	f5	62		
3	c3	d5	23	Nb3	Nd5	43	Qd5	Kf7	63		
4	exd5	Rxd5	24	Nxd4	b5	44	b5	Kd7	64		
5	d4	Bg7	25	Qd3	Nb6	45	Kf2	Kd6	65		
6	Be3	cxd4	26	Rd2	Nd4	46	Rd2	Qd6	66		
7	Bxd4	Nf6	27	Kf1	Nc3	47	Kd2	f5	67		
8	Be2	Nc6	28	Nc2	Rd7	48	Kc3	Bd6	68		
9	O-O	Nxd4	29	Nd4	Rd6	49	fxc3	fxd5	69		
10	Nxd4	O-O	30	Kc1	Nd3	50	Qd4	b4	70		
11	Bf3	Qd6	31	Kf1	Bd8	51	Kf2	Kd5	71		
12	Qd2	Qxd2	32	Nc5	Rd6	52	Rd2	Kd5	72		
13	Nd2	Bg4	33	Rd5	Nd4	53	Kf2	Qd5	73		
14	h3	Bxf3	34	Rd5	Rd4	54	Nxd4	Kd5	74		
15	Ndxf3	Rd8	35	h4	Rd4	55	Kd1	Kd4	75		
16	Rd6	e6	36	Nd4	Kd5	56	Kd1	Kf4	76		
17	Rxd4	Rd8	37	Nd5	Qd5	57	Qxd4	Kd4	77		
18	Nb5	Qd6	38	Qd5	Rd6	58	Kd2	Kd3	78		
19	Nd6	Rd7	39	Rd1	Rd4	59	Kd2	Kd3	79		
20	Nd6	Rd7	40	Nxd1	e4	60	Kd1	Kd3	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Chen Yi-Hsiung			Song Jihnu			Z					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026/8/2 Board 4

WHITE Chen, Yi-Hsiung Gabriel										FED TPE	RESULT (W)
BLACK Song, Jihnu										FED 1953 KOR	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Rxd7	Rd7	41	Nd4	Nxd4	61	Kd2	Kf2
2	Nf3	g6	22	Nc5	Rc7	42	cxd4	f5	62		
3	c3	d5	23	Nb3	Nd5	43	d5	Kf7	63		
4	exd5	Qxd5	24	Nd4	b5	44	b3	Ke1	64		
5	d4	Bg7	25	a3	Nb6	45	Ke2	Kd6	65		
6	Be3	cxd4	26	Re2	Na4	46	Ne3	a5	66		
7	Bxd4	Nf6	27	Kf1	Nc5	47	Kd2	Bh6	67		
8	Be2	Nc6	28	Nc2	Rd7	48	Kc3	Bxe3	68		
9	O-O	Nxd4	29	Nd4	Rd5	49	fxe3	Kxd5	69		
10	Nxd4	O-O	30	Ke1	Nd3	50	a4	b4	70		
11	Bf3	Qd6	31	Kf1	Bh6	51	Kd2	Kes	71		
12	Qd2	Qxd2	32	Nc6	Rd6	52	Ke2	Kd6	72		
13	Nxd2	Bg4	33	Nce5	Nd4	53	Kf2	Q5	73		
14	h3	Bxf3	34	Re1	Bd7	54	h9	Kxg5	74		
15	Nxf3	Rd8	35	h4	f6	55	Kg1	Kg4	75		
16	Re1	e6	36	Ng4	Rd5	56	Kg2	h4	76		
17	Rd1	Rd8	37	Ne3	e5	57	gh	Kd4	77		
18	Nb5	a6	38	g3	Nd6	58	Kf2	Kd3	78		
19	Nd6	Rd7	39	Rd1	Rd1	59	Kd2	Kd2	79		
20	Ne4	Rd8	40	Nxd1	e4	60	Ke1	Kf3	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Chen Yi-Hsiung			Song Jihnu			Z					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/27

Group B14
Round 1
Board 5

WHITE				BLACK				FED				RESULT(W)			
Lv, Ruiqi				Wang, Yu-Chi Xavier				FED				1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	C4	c6	21	Bf3	Rd8	41	Rd1	Nf5	61						
2	Nf3	Nf6	22	Rae1	Qb4	42	Qe4	Qd4	62						
3	Nc3	e6	23	f3	Qg6	43	Rd8	Kg6	63						
4	d4	d5	24	Bc4	Rc8	44	Rd1	Kh6	64						
5	e3	Nd7	25	b3	h5	45	Qg8	Qg6	65						
6	Bd3	dxg4	26	Qf2	Rc6	46	Rg8	Qf7	66						
7	Bxc4	b5	27	Rd3	Bc8	47	Rh8	kg6	67						
8	Bd3	a6	28	Rd1	Be6	48	Rd1	Nh6	68						
9	q4	b4	29	Bxc6	Rxc6	49	Rd8	Qf5	69						
10	Ne4	c5	30	b4	Nex	50	rd1	Ng4	70						
11	dxg5	Nf5	31	Bb4	f5	51	Bd4	Kh6	71						
12	Nxc5	Bxc5	32	Qxf5	Qxf5	52	Qb7	Qg6	72						
13	Qc2	Qd6	33	Rc3	Rxc3	53	Rd1	Rd6	73						
14	O-O	O-O	34	Bc3	Rc6	54	Bc5	Rc6	74						
15	e4	e5	35	Qc3	Rc6	55	f5	Qf6	75						
16	Bf4	Bd4	36	Re1	Qf6	56	b4	Qf5	76						
17	Nxd4	Qxd4	37	Qe4	Nd6	57	Qd1	axb4	77						
18	Be3	Qd7	38	Bxc5	Qe7	58	Bxb4	Rb6	78						
19	Bc5	Rc8	39	Qa8	Kh7	59	Qf5	Qe5	79						
20	Bxb4	Bb7	40	f4	Qxh4	60	Bd2	Kh7	80						
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							
Lv, Ruiqi				Wang, Yu-Chi Xavier				Z							

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026/8/27

Group B14
Round 1
Board 5

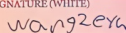
WHITE				BLACK				FED				RESULT(W)			
Lv, Ruiqi				Wang, Yu-Chi Xavier				CHN				1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	C4	c6	21	Bf3	Rd8	41	Rd1	Nf5	61						
2	Nf3	Nf6	22	Rd1	Qg4	42	Qe4	Qd4	62						
3	Nc3	e6	23	f3	Qg6	43	Rd8	kg6	63						
4	d4	d5	24	Bc4	Rc8	44	Rd1	Kh6	64						
5	e3	Nb7	25	b3	h5	45	Qg8	Qg6	65						
6	Bd3	dc	26	Qf2	Rc6	46	Rg8	Qf7	66						
7	Bxc4	b5	27	Rd3	Bc8	47	Rh8	kg6	67						
8	Bd3	a6	28	Rd1	Be6	48	Rd1	Nh6	68						
9	q4	b4	29	Bxc6	Rxc6	49	Rd8	Qf5	69						
10	Ne4	c5	30	b4	Nex	50	rd1	Ng4	70						
11	dxg5	Nf5	31	Bb4	f5	51	Bd4	Kh6	71						
12	Nxc5	Bxc5	32	Qxf5	Qxf5	52	Qb7	Qg6	72						
13	Qc2	Qd6	33	Rc3	Rxc3	53	Rd1	Rd6	73						
14	O-O	O-O	34	Bc3	Rc6	54	Bc5	Rc6	74						
15	e4	e5	35	Qc3	Rc6	55	f5	Qf6	75						
16	Bf4	Bd4	36	Re1	Qf6	56	b4	Qf5	76						
17	Nxd4	Qxd4	37	Qe4	Nd6	57	Qd1	axb4	77						
18	Be3	Qd7	38	Bxc5	Qe7	58	Bxb4	Rb6	78						
19	Bc5	Rc8	39	Qa8	Kh7	59	Qf5	Qe5	79						
20	Bxb4	Bb7	40	f4	Qxh4	60	Bd2	Kh7	80						
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							
Lv, Ruiqi				Wang, Yu-Chi Xavier				Z							

10:19

Group	014
Round	1
Board	6

Date
8/22/2020

WHITE				FED				RESULT(W)			
Zang, Zeyu (S2)				CHN				0			
BLACK				FED				RESULT(B)			
King Xyan Beltan				PHI				1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21			41			61		
2	c3	Nt6	22			42			62		
3	e5	Nd5	23			43			63		
4	d4	cxd4	24			44			64		
5	cxd4	d6	25			45			65		
6	Nt3	Nc6	26			46			66		
7	Bc4	e6	27			47			67		
8	O-O	Be7	28			48			68		
9	Re1	O-O	29			49			69		
10	Nbd2	dxe5	30			50			70		
11	dxe5	b6	31			51			71		
12	Nf1	Bb7	32			52			72		
13	Ne3	Nf4	33			53			73		
14	Bd2	Nd4	34			54			74		
15	Ned4	Qxd4	35			55			75		
16	Bc3	Qe4	36			56			76		
17	Qg4	h5	37			57			77		
18	Gdl	Bc5	38			58			78		
19	Bd2	Bre3	39			59			79		
20			40			60			80		

SIGNATURE (WHITE)


SIGNATURE (BLACK)


SIGNATURE (ARBITER)


10:19

Group	B14
Round	1
Board	7

Date 2026 87

WHITE						FED		FED		RESULT (W)	
BLACK						FED		FED		RESULT (B)	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	E4	C5	21			41			61		
2	C3	Nf6	22			42			62		
3	E5	nd5	23			43			63		
4	d4	cd	24			44			64		
5	cd	d6	25			45			65		
6	Nf3	nc6	26			46			66		
7	bca	e6	27			47			67		
8	Ob	Rbe7	28			48			68		
9	Re1	O-O	29			49			69		
10	Nd2	de	30			50			70		
11	de	b6	31			51			71		
12	Nf1	bb7	32			52			72		
13	Ne3	Nf4	33			53			73		
14	bd2	nd3	34			54			74		
15	Nxd3	Qxd3	35			55			75		
16	bc3	Qe4	36			56			76		
17	Qg4	N5	37			57			77		
18	Qd1	bc5	38			58			78		
19	bd2	bxc5	39			59			79		
20			40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)						SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026/8/22

Group U/A
Round 1
Board 7

WHITE Lee, Joowon												FED KOR	RESULT (W) 0
BLACK Iyeelt, Batsaikhan												FED MGL	RESULT (B) 1
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	e4	c6	21	Rd1	ax55	41	Rg4	e3	61				
2	Nf3	d5	22	Bx55	Re2	42	cs4	Rx2	62				
3	exd5	exd5	23	Rb1	Nx4	43	Rxg5	Kd4	63				
4	d4	Nc6	24	Bx4	dx2	44	Rf4	Re5	64				
5	B54	N56	25	a4	Rc2	45	ks1	Rv55	65				
6	c3	Bg4	26	Re1	55	46	Re1	Ra2	66				
7	Bd3	e6	27	g4	hx4	47	Rh4	a5	67				
8	0-0	Bd6	28	hx4	ks6	48	Rc4	a4	68				
9	Bxd6	Qxd6	29	fx55	Kx55	49	Rb4	a3	69				
10	Re1	0-0	30	Ad1	Rxb2	50	Ra4	Kd5	70				
11	Nh2	Rse8	31	Rd1	a6	51	Kd1	e21	71				
12	Ab3	Bx53	32	Rsh4	Re6	52	Ke1	h5	72				
13	Nx53	e5	33	Rg7	K56	53	Rh4	Rb2	73				
14	dxes	Nx5	34	Rcn	Re6	54	Rh5	h4	74				
15	Rxe5	Rxe5	35	Rg7	RQ2	55	Rh4	Kb3	75				
16	Rxe5	Qxe5	36	Rxb7	Rx4	56	Rh4	Ka2	76				
17	h3	g5	37	Rg7	K56	57	Rd3	Rd5	77				
18	Qd1	Kg7	38	Rch	RQ2	58	Rd3	Rc2	78				
19	Q53	h5	39	c4	Re5	59	Rd8	h61	79				
20	Q55	Re8	40	Kg2	Kd6	60	Rb8	Rh2	80				
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)					
[Signature]				Iyeelt				[Signature]					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026/8/22

Group B14
Round 1
Board 7

WHITE Lee, Joowon												FED KOR	RESULT (W) 0
BLACK Iyeelt, Batsaikhan												FED MGL	RESULT (B) 1
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	e4	C6	21	Rd1	Qf5	41	B7	PS	61				
2	Nf3	d5	22	Rf5	Rd2	42	cs	Kd5	62				
3	exd5	exd5	23	Rb1	Nx4	43	R55	RPS	63				
4	d4	NC6	24	Kc4	dx4	44	Bat	cs	64				
5	Bf4	Nf6	25	au	Rc5	45	Kf11	Rf5	65				
6	c3	Bg4	26	Rot	55	46	Car11	Rd5	66				
7	Bd3	e6	27	g4	hx4	47	R44	a5	67				
8	0-0	Bd6	28	hx4	ks6	48	Rc4	a4	68				
9	Bxd6	Qxd6	29	fx55	Kx55	49	Rb4	a3	69				
10	Re1	0-0	30	Ad1	Rxb2	50	Ra4	Kd5	70				
11	Nh2	Rse8	31	Rd1	a6	51	Kd1	e21	71				
12	Ab3	Bx53	32	Rsh4	Re6	52	Ke1	h5	72				
13	Nx53	e5	33	Rg7	K56	53	Rh4	Rb2	73				
14	dxes	Nx5	34	Rcn	Re6	54	Rh5	h4	74				
15	Rxe5	Rxe5	35	Rg7	RQ2	55	Rh4	Kb3	75				
16	Rxe5	Qxe5	36	Rxb7	Rx4	56	Rh4	Ka2	76				
17	h3	g5	37	Rg7	K56	57	Rd3	Rd5	77				
18	Qd1	Kg7	38	Rch	RQ2	58	Rd3	Rc2	78				
19	Q53	h5	39	c4	Re5	59	Rd8	h61	79				
20	Q55	Re8	40	Kg2	Kd6	60	Rb8	Rh2	80				
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)					
[Signature]				Iyeelt				[Signature]					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.09.24 8

Group B14
Round 1

Board 8

WHITE Altansoyombo												FED	RESULT (W)
BLACK Gun - ERDEM												FED	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	e4	c5	21	c4	rd4	41			61				
2	nf3	d6	22	exd5	exf5	42			62				
3	g4	nd7	23	h4	ex	43			63				
4	o-o	q6	24	fxg4	fxg4	44			64				
5	bd7	bd7	25	nb3	qf3	45			65				
6	h3	nc6	26	nc5	h5	46			66				
7	re1	g6	27	re1	qe3	47			67				
8	c3	bc6	28	rax	bxg8	48			68				
9	d3	g7	29			49			69				
10	g4	o-o	30			50			70				
11	nb2	e5	31			51			71				
12	qg5	h6	32			52			72				
13	gxf6	qxf6	33			53			73				
14	nf1	qe6	34			54			74				
15	d4	qf7	35			55			75				
16	qf6	d5	36			56			76				
17	qf2	f5	37			57			77				
18	nf4	rad8	38			58			78				
19	nc3	qf5	39			59			79				
20	e3	rd7	40			60			80				
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)							
			Gun-ERDEM										

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.09.24 8

Group B14
Round 1

Board 8

WHITE Altansoyombo, Davaadorj												FED	RESULT (W)
BLACK Gun - ERDEM Damba												FED	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	e4	c5	21	c4	rd4	41			61				
2	nf3	d6	22	exd5	exf5	42			62				
3	g4	nd7	23	h4	ex	43			63				
4	o-o	q6	24	fxg4	fxg4	44			64				
5	bd7	bd7	25	nb3	qf3	45			65				
6	h3	nc6	26	nc5	h5	46			66				
7	re1	g6	27	re1	qe3	47			67				
8	c3	bc6	28	rax	bxg8	48			68				
9	d3	g7	29			49			69				
10	g4	o-o	30			50			70				
11	nb2	e5	31			51			71				
12	qg5	h6	32			52			72				
13	gxf6	qxf6	33			53			73				
14	nf1	qe6	34			54			74				
15	d4	qf7	35			55			75				
16	qf6	d5	36			56			76				
17	qf2	f5	37			57			77				
18	nf4	rad8	38			58			78				
19	nc3	qf5	39			59			79				
20	e3	rd7	40			60			80				
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)							
			Gun-ERDEM										

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.22 Board 9

Group B4
Round 1

WHITE 冯昱胜				FED				RESULT(W)			
BLACK Hu Jin Peng				FED				RESULT(B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	Q5	21	Nf6	Re7	41			61		
2	Nf3	Nc6	22	Nd5	Qa5	42			62		
3	d4	ed	23	Gf3	Ke8	43			63		
4	Nbd2	Nf6	24	Nc7	Qe7	44			64		
5	Nc6	Qc7	25	Qe8	Re7	45			65		
6	Bd3	Q5	26	Q8		46			66		
7	Qe2	Re7	27			47			67		
8	Nc3	Qd7	28			48			68		
9	Qd2	Re8	29			49			69		
10	Q5	Re8	30			50			70		
11	Bd3	Re8	31			51			71		
12	Re8	Re8	32			52			72		
13	Re8	Re8	33			53			73		
14	ed	ed	34			54			74		
15	Re8	Nf6	35			55			75		
16	Re8	Re8	36			56			76		
17	Re8	Re8	37			57			77		
18	Re8	Re8	38			58			78		
19	Re8	Re8	39			59			79		
20	Re8	Re8	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE) 冯昱胜				SIGNATURE (BLACK) Zi				SIGNATURE (ARBITER) Z			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/22 Board 9

Group V4
Round 1

WHITE Feng, Yusheng				FED CHN				RESULT(W)			
BLACK Hu Jin Peng				FED HKG				RESULT(B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Nf6	Re7	41			61		
2	Nf3	Nc6	22	Nd5	Qa5	42			62		
3	d4	ed	23	Qf3	Ke8	43			63		
4	Nbd2	Nf6	24	Nc7	Qe7	44			64		
5	Nc6	Qc7	25	Qe8	Re7	45			65		
6	Bd3	Q5	26	Q8		46			66		
7	Qe2	Re7	27			47			67		
8	Nc3	Qd7	28			48			68		
9	Qd2	Re8	29			49			69		
10	Q5	Re8	30			50			70		
11	Bd3	Re8	31			51			71		
12	Re8	Re8	32			52			72		
13	Re8	Re8	33			53			73		
14	ed	ed	34			54			74		
15	Re8	Nf6	35			55			75		
16	Re8	Re8	36			56			76		
17	Re8	Re8	37			57			77		
18	Re8	Re8	38			58			78		
19	Re8	Re8	39			59			79		
20	Re8	Re8	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE) 冯昱胜				SIGNATURE (BLACK) Zi				SIGNATURE (ARBITER) Z			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 22 Aug 2026 Board 10

10:30

Group

Round

WHITE: Shang En-Rui											
BLACK: Karniawan, Theodore Donie											
FED 1785						RESULT(W) 0					
FED 0						RESULT(B) 1					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Rxa2	Qxa2	41			61		
2	Nc3	Nf6	22	Qg5	Re8	42			62		
3	f4	d5	23	Rc5	Qa3	43			63		
4	fe	Nxe4	24	Rc4	Qa5	44			64		
5	Qf3	e5	25	kd1	Qxe5	45			65		
6	d3	Nxc3	26	Qh4	Qe2	46			66		
7	bxc3	d4	27	kd1	Qf1	47			67		
8	Qg3	Nc6	28	Kb2	Bb8	48			68		
9	Be2	Be6	29	Rb4	Ka3 Bb4	49			69		
10	Bf3	Qd7	30	Bk3	Rb8	50			70		
11	c4	Bb4	31	Qxd3	Qc3	51			71		
12	Bd2	Bxd2	32	Ka4	Qxc2	52			72		
13	Kxd2	0-0	33			53			73		
14	Bxc6	Qxc6	34			54			74		
15	Nt3	Rfe8	35			55			75		
16	Rh1	ab	36			56			76		
17	Ng5	b5	37			57			77		
18	cb	ab	38			58			78		
19	Nxe6	Qxe6	39			59			79		
20	Rxb5	Rxa2	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Shang En-Rui				Karniawan, Theodore Donie				2			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 22 Aug 2026 Board 10

10:30

Group U14

Round 1

WHITE: Shang, En-Rui											
BLACK: Karniawan, Theodore											
FED TPE						RESULT(W) 0					
FED INA						RESULT(B) 1					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Rxa2	Qxa2	41			61		
2	Nc3	Nf6	22	Qg5	Re8	42			62		
3	f4	d5	23	Rc5	Qa3	43			63		
4	Rxe5	Nxe4	24	Rc4	Qa5	44			64		
5	Qf3	f5	25	kd1	Qxe5	45			65		
6	d3	Nxc3	26	Qh4	Qe2	46			66		
7	bxc3	d4	27	Kc1	Qf1	47			67		
8	Qg3	Nc6	28	Kb2	Rb8	48			68		
9	Be2	Be6	29	Rb4	Rxb4	49			69		
10	Bf3	Qd7	30	Ka3	Rb8	50			70		
11	c4	Bb4	31	Qxd4	Qc1	51			71		
12	Bd2	Bxd2	32	Ka4	Qxe2	52			72		
13	Kxd2	0-0	33	Ka		53			73		
14	Bxc6	Qxc6	34			54			74		
15	Nf3	Rf8	35			55			75		
16	Rh1	ab	36			56			76		
17	Ng5	b5	37			57			77		
18	Qxb5	Qxb5	38			58			78		
19	Nxe6	Qxe6	39			59			79		
20	Rxb5	Rxa2	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Shang En-Rui				Karniawan, Theodore				2			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Group: 11
Round: 1
Date: 8/22
Board: 11

WHITE: <u>Xiaoqiao Zi</u>										FED: <u>CHN</u>	RESULT (W):
BLACK: <u>Khanqiu P</u>										FED: <u>Nepal</u>	RESULT (B):
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Ng5	Nh6	41			61		
2	Nf3	Nf6	22	dxc6	Bxc6	42			62		
3	e3	eb	23	Nxe0	Rxe0	43			63		
4	Bb3	Bb6	24	Qd5	Qc7	44			64		
5	O-O	O-O	25	Rac1	Qx8	45			65		
6	b3	c5	26	Bxc6	Rf8	46			66		
7	Bb4	Nd6	27	Bc4	Rf8	47			67		
8	a3	Bd7	28	Qxh6	Qg8	48			68		
9	Nc5	a6	29	Qh7#		49			69		
10	c4	Rxb6	30			50			70		
11	Qc2	Qxd4	31			51			71		
12	exd4	Bxc5	32			52			72		
13	dxc5	Ng4	33			53			73		
14	Nf3	Ke8	34			54			74		
15	h3	Nh6	35			55			75		
16	Qd2	Ke7	36			56			76		
17	exd5	h4	37			57			77		
18	Bc4	Nf8	38			58			78		
19	Rf1	Nh5	39			59			79		
20	Rd1	h5	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
<u>[Signature]</u>			<u>[Signature]</u>			<u>[Signature]</u>					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Group: 11
Round: 1
Date: 8/22
Board: 11

WHITE: <u>Lixi aoyao</u>										FED: <u>CHN</u>	RESULT (W):
BLACK: <u>Khanqiu P</u>										FED: <u>Nepal</u>	RESULT (B):
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	h4	h5	41			61		
2	Nf3	Nf6	22	Ng5	Nh6	42			62		
3	e3	eb	23	Qd5	Qc7	43			63		
4	Bb3	Bb6	24	Nc6	Qc6	44			64		
5	O-O	O-O	25	Qg5	Qc7	45			65		
6	b3	c5	26	Qc4	Qb6	46			66		
7	Qg2	Nd6	27	Ng5	Rf8	47			67		
8	a3	Bd7	28	Ne4	Kh8	48			68		
9	Nc5	a6	29	Qh1	Rg8	49			69		
10	c4	Rxb6	30	Qh2#		50			70		
11	Qc2	Qxd4	31			51			71		
12	exd4	Bxc5	32			52			72		
13	dxc5	Ng4	33			53			73		
14	Nf3	Ke8	34			54			74		
15	h3	Nh6	35			55			75		
16	Qd2	Ke7	36			56			76		
17	exd5	h4	37			57			77		
18	Bc4	Nf8	38			58			78		
19	Rf1	Nh5	39			59			79		
20	Rd1	h5	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
<u>[Signature]</u>			<u>[Signature]</u>			<u>[Signature]</u>					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 22/08/26

Board 12

Group B14

Round 1

11:20 End

WHITE Lam, Ethan										FED TPE		RESULT(W)
BLACK Edric										FED MAS		RESULT(B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	E4	C5	21	Rd1	Bxd4	41	A4	A5	61	Kc6	Qb4	
2	Nf3	Nc6	22	Bf4	Rd6	42	H6	Ke7	62	A7	Rc5	
3	d4	Cxd4	23	Qe2	Qa6	43	Rd3	E3+	63	Ka8	Kc6	
4	Nxd4	G6	24	Bd2	Qa3	44	Kd3	Kg6	64	KKd7	Qb2#	
5	C4	Bg7	25	Bg5	Qb4	45	Ke2	Kth6	65			
6	Be3	Nf6	26	Rc1	Rdc8	46	Kd3	Kg5	66			
7	Nc3	O-O	27	H5	Rxc1	47	Ke2	Kg4	67			
8	Be2	B6	28	Bxc1	Qc3	48	Kd3	Kf3	68			
9	Qd2	Bh7	29	Bb2	Qxb2	49	Kc4	E2	69			
10	F3	Qb6	30	Qxb2	Bxb2	50	Kb5	E1=Q	70			
11	O-O-O	Rc8	31	Kxb2	Qxb5	51	Kxb2	Qb4	71			
12	Nc5	Bc5	32	Qxb5	Rd8	52	Kd5	Ke3	72			
13	b3	E6	33	Be4	Rd4	53	Kc6	Qxb3	73			
14	Kb1	Nexg4	34	Bf3	Rf4	54	Kb7	B5	74			
15	Fg4	Nxex4	35	Bd1	E5	55	Kc6	Bxa4	75			
16	Nxc4	Bxc4	36	Ke3	F5	56	Kc5	Qb4+	76			
17	Bd3	Bxh1	37	Kd3	Rd4+	57	Kc6	Qd4	77			
18	Rxh1	Qe5	38	Ke2	Rxd1	58	Kd6	Qc3	78			
19	H4	D5	39	Kxd1	E4	59	Hb6	Kd4	79			
20	Qxd1	Qxd1	40	Ke2	F4	60	Hb5	Qc5+	80			
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)						
林沛然			Edric			J						

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 22/08/26

Board 12

Group B14

Round 1

11:20 End

WHITE Lam, Ethan										FED TPE		RESULT(W)
BLACK ch ng kai xue Edric										FED MAS		RESULT(B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	e4	c5	21	Rd1	Bxd4	41	a4	a5	61	Ka6	Ob4	
2	Nf3	Nc6	22	Bf4	Rd8	42	h6	Ke7	62	Ka7	Kc5	
3	d4	Cxd4	23	Be2	Qa5	43	Kd2	E3+	63	Ka8	Kc6	
4	Nxd4	g6	24	Bd2	Qa3	44	Kd3	Kg6	64	Ka7	Qb2#	
5	c4	Bg7	25	Bg5	Qb4	45	Ke2	Kxh6	65			
6	Be3	Nf6	26	Rc1	Rdc8	46	Kd3	Kg5	66			
7	Nc3	O-O	27	h5	Rxc1	47	Ke2	Kg4	67			
8	Be2	b6	28	Bxc1	Qf6	48	Kd3	Kf3	68			
9	Qd2	Bb7	29	Bb2	Qxb2	49	Ke4	e2	69			
10	f3	Qb6	30	Qxb2	Bxb2	50	Kb5	e1=Q	70			
11	O-O-O	Rc8	31	Kxb2	Qxb5	51	Kc4	Ob4+	71			
12	g4	Ne5	32	Qxb5	Rd8	52	Kb5	Ke3	72			
13	b3	e6	33	Be4	Rd4	53	Kc6	Qxb3	73			
14	Kb1	Nexg4	34	Bf3	Rf4	54	Kb7	b5	74			
15	Fg4	Nxex4	35	Bd1	E5	55	Kc6	Bxa4	75			
16	Nxc4	Bxc4	36	Ke3	F5	56	Kc5	Qb4+	76			
17	Bd3	Bxh1	37	Kd4	Rd4+	57	Kc6	Qd4	77			
18	Rxh1	Be5	38	Ke1	Rxd1	58	Kb5	Qc3	78			
19	h4	d5	39	Kxd1	E4	59	Kb6	Kd4	79			
20	Qxd1	Qxd1	40	Ke2	F5	60	Kb5	Qc3	80			
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)						
林沛然			Edric			J						

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026/8/22 Board 13

WHITE Lin, Jhen-Jie												FED TPE	RESULT (W) 1
BLACK Li, Yupeng												FED CHN	RESULT (B) 0
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	d4	Nf6	21	Qe3	Qb7	41	Bb4	Ke6	61				
2	Nf3	e6	22	b3	Qc6	42	Ke3	Kd5	62				
3	e3	d5	23	Rd6	Qb7	43	Kd3	g5	63				
4	Bd3	Bc7	24	Ra6	Rac8	44	g4	f9g4	64				
5	Nbd2	b6	25	f3	h6	45	f9g4	e9f	65				
6	c3	Bb7	26	Bh4	Nh7	46	Ke3	Kc4	66				
7	O-O	O-O	27	Rd7	Rc7	47	Be7	Kd5	67				
8	Qc2	Nbd7	28	Qd3	Re8	48	Bd8	Nf5	68				
9	e4	Lxe4	29	Bg3	Rxd7	49	h3	Nc4	69				
10	Nxe4	Nxe4	30	Qxd7	Qa8	50	Ke2	Kc5	70				
11	Bxe4	Bxe4	31	Qb5	Rd8	51	b6	Kc6	71				
12	Qxe4	Nf6	32	Rxd8	Qxd8	52	Be7	g6	72				
13	Qe2	c5	33	Qb8	Bxd8	53	Bf8	Nf5	73				
14	Bf4	Nd5	34	Bxb8	ab	54	Bxh6	Nf7	74				
15	Bg3	cxh4	35	Bh6	fg	55	Bg7	Kc6	75				
16	Nxd4	Qd7	36	Kf2	Kf7	56	Ke3	Kd5	76				
17	Rd1	Bc5	37	Bxc5	e5	57	Bf6	Ke6	77				
18	Nb3	Qc8	38	b4	Nf6	58	Bc3	Kd5	78				
19	c4	Nf6	39	b5	axb5	59	a4	Kc4	79				
20	Nxc5	bxc5	40	cxh5	Nd7	60	a5		80				
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)							
JH			Li, Yupeng			Z							

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8.22 Board 13

WHITE Lin, Jhen-Jie												FED	RESULT (W) 1
BLACK Li, Yupeng												FED	RESULT (B) 0
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	d4	Nf6	21	Qe3	Qb7	41	Bb4	Ke6	61				
2	Nf3	e6	22	b3	Qc6	42	Ke3	Kd5	62				
3	e3	d5	23	Rd6	Qb7	43	Kd3	g5	63				
4	Bd3	Bc7	24	Ra6	Rac8	44	g4	f9g4	64				
5	Nbd2	b6	25	f3	h6	45	f9g4	e4	65				
6	c3	Bb7	26	Bh4	Nh7	46	Ke3	Kc4	66				
7	O-O	O-O	27	Rd7	Rc7	47	Be7	Kd5	67				
8	Qc2	Nbd7	28	Qd3	Re8	48	Bd8	Nf5	68				
9	e4	Lxe4	29	Bg3	Rxd7	49	h3	Nc4	69				
10	Nxe4	Nxe4	30	Qxd7	Qa8	50	Ke2	Kc5	70				
11	Bxe4	Bxe4	31	Qb5	Rd8	51	b6	Kc6	71				
12	Qxe4	Nf6	32	Rxd8	Qxd8	52	Be7	g6	72				
13	Qe2	c5	33	Qb8	Bxd8	53	Bf8	Nf5	73				
14	Bf4	Nd5	34	Bxb8	ab	54	Bxh6	Nf7	74				
15	Bg3	cxh4	35	Bh6	fg	55	Bg7	Kc6	75				
16	Nxd4	Qd7	36	Kf2	Kf7	56	Ke3	Kd5	76				
17	Rd1	Bc5	37	Bxc5	e5	57	Bf6	Ke6	77				
18	Nb3	Qc8	38	b4	Nf6	58	Bc3	Kd5	78				
19	c4	Nf6	39	b5	axb5	59	a4	Kc4	79				
20	Nxc5	bxc5	40	cxh5	Nd7	60	a5		80				
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)							
JH			Li, Yupeng			Z							

9:17

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Group	B14
Round	1
Board	14

Date 8/22

WHITE <i>Qq h, Yangyqh</i>						FED		RESULT (W)			
BLACK <i>Lee Gyqyeqh</i>						FED		RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1			21			41			61		
2			22			42			62		
3			23			43			63		
4			24			44			64		
5			25			45			65		
6			26			46			66		
7			27			47			67		
8			28			48			68		
9			29			49			69		
10			30			50			70		
11			31			51			71		
12			32			52			72		
13			33			53			73		
14			34			54			74		
15			35			55			75		
16			36			56			76		
17			37			57			77		
18			38			58			78		
19			39			59			79		
20			40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 22-8-2026

Group B14

Round 1

Board 15

9:45

WHITE Fang yue xiang										FED CHN		RESULT(W)
BLACK Sin Tsz Hin Zachary										FED HKG		RESULT(B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	d4	d5	21	Nxe5	Qxe5	41			61			
2	c4	c6	22	Bd4	Qc6	42			62			
3	Nf3	Nf6	23	Qf3	Qxf3	43			63			
4	e3	e6	24	gxf3	Bxf3	44			64			
5	b3	Nbd7	25	Rb1	Ra6	45			65			
6	Bd3	Be7	26	c5	Ng7	46			66			
7	Bb2	O-O	27	Be5	Rbd8	47			67			
8	O-O	a6	28	Bxa6	Be4	48			68			
9	Nc3	b6	29	Rcb2	Bxb1	49			69			
10	Qe2	Bb7	30	Rxb1	Nf5	50			70			
11	Rfd1	Bb4	31	b7	Rb8	51			71			
12	Ne5	Re8	32	Bxb8	Rxb8	52			72			
13	f4	Qc7	33	c6		53			73			
14	Rac8	cxd4	34			54			74			
15	Nxd7	Qxd7	35			55			75			
16	bxc4	c5	36			56			76			
17	dx5	Qc6	37			57			77			
18	cx6	Bc5	38			58			78			
19	Rc2	g6	39			59			79			
20	Na4	Nh5	40			60			80			
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)						
方悦翔			sin			王						

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8.22

Group B14

Round 1

Board 15

9:45

WHITE Fang yue xiang										FED CHN		RESULT(W)
BLACK Sin Tsz Hin Zachary										FED HKG		RESULT(B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	d4	d5	21	nc5	Qc5	41			61			
2	c4	c6	22	Bd4	Qc6	42			62			
3	Nf3	Nf6	23	Qf3	Qf3	43			63			
4	e3	e6	24	gf	BF	44			64			
5	b3	Nbd7	25	Rb1	Rb8	45			65			
6	Bd3	Be7	26	c5	Nb7	46			66			
7	Bb2	O-O	27	Be5	Rd8	47			67			
8	O-O	a6	28	Ba6	Be4	48			68			
9	Nc3	b6	29	Rb2	Bb1	49			69			
10	Qe2	Bb7	30	Rb1	Nf5	50			70			
11	Rfd1	Bb4	31	b7	Rb8	51			71			
12	Ne5	Re8	32	Bb8	Rb8	52			72			
13	f4	Qc7	33	c6		53			73			
14	Rac1	dc	34			54			74			
15	nd7	Qd7	35			55			75			
16	bc	c5	36			56			76			
17	dc	Qc6	37			57			77			
18	cb	Ba5	38			58			78			
19	Rc2	g6	39			59			79			
20	Na4	Nh5	40			60			80			
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)						
方悦翔			sin			王						

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/22 Board 16

WHITE: SUNG, Sen Hin										FED	RESULT (W)
BLACK: Erdenebaatar, Galbaatar										FED	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Qa8	Qc1	41			61		
2	d4	d5	22	1cf2	o-o	42			62		
3	Nc3	Nf6	23	Qa4	c3	43			63		
4	es	Nd7	24	Qd1	Qd1	44			64		
5	F4	c5	25	Bd1	Bo6	45			65		
6	Nf3	Nc6	26	Bc2	Rb8	46			66		
7	Be3	a6	27	Bb3	Rb3	47			67		
8	Bd3	b5	28	ab	c2	48			68		
9	Qd2	b4	29	kg3	c1=Q	49			69		
10	Nd1	c4	30	h4	Be2	50			70		
11	Be2	a5	31	kf1	Bf3	51			71		
12	c3	a4	32	gf	f5	52			72		
13	cb	Bb4	33	ef	kg5	53			73		
14	Nc3	a3	34	kg3	Nh5	54			74		
15	o-o	Qa5	35	kf2	Qd2	55			75		
16	Rfc1	ab	36	kf1	Nf4	56			76		
17	BQb2	Ba3	37	h5	Qe2	57			77		
18	Qb5	Bc1	38	kg1	Qg2	58			78		
19	Bc1	Qc3	39			59			79		
20	Qc6	Qa1	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
10m			20								

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026-08-22 Board 16

WHITE: Sung, Sen Hin										FED	RESULT (W)
BLACK: Erdenebaatar, Galbaatar										FED	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Qa8	Qc1	41			61		
2	d4	d5	22	Kf2	o-o	42			62		
3	Nc3	Nf6	23	Ba4	c3	43			63		
4	es	Nd7	24	Qd1	Qd1	44			64		
5	F4	c5	25	Bd1	Bo6	45			65		
6	Nf3	Nc6	26	Bc2	Rb8	46			66		
7	Be3	a6	27	Bb3	Rb3	47			67		
8	Bd3	b5	28	ab	c2	48			68		
9	Qd2	b4	29	Kf3	Bc1	49			69		
10	Nd1	c4	30	h4	Be2	50			70		
11	Be2	a5	31	Kf2	Bf3	51			71		
12	c3	a4	32	gf	f5	52			72		
13	cb	Bb4	33	ef	kg5	53			73		
14	Nc3	a3	34	kg3	Nh5	54			74		
15	o-o	Qa5	35	kf2	Qd2	55			75		
16	Rfc1	ab	36	kf1	Nf4	56			76		
17	BQb2	Ba3	37	h5	Qe2	57			77		
18	Qb5	Bc1	38	kg1	Qg2	58			78		
19	Bc1	Qc3	39			59			79		
20	Qc6	Qa1	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
10m			20								

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.22 Board 17

11:25 End

Group B14
Round 1

WHITE Xia Peicheng						FED		RESULT (W)			
BLACK Wang Yanxiang						FED		RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Qe5	Qe7	41			61		
2	c4	e6	22	Qe4	Qf6	42			62		
3	Nc3	Nf6	23	Rf8	Qf7	43			63		
4	Bg5	Bb4	24	Rd6	Qf6	44			64		
5	e3	Nc6	25	Bxe6	Qxc3	45			65		
6	a3	Be7	26	Bxd7	Kd8	46			66		
7	Nf3	h6	27	Be8	Kc7	47			67		
8	Bh4	Bd7	28	Rc6	Kd8	48			68		
9	Bd3	dx4	29	Rd4		49			69		
10	Bxc4	Nh7	30			50			70		
11	Bg3	Ng5	31			51			71		
12	d5	Na5	32			52			72		
13	Ba2	Nxf3	33			53			73		
14	Qxf3	Bf6	34			54			74		
15	dx6	Bxc4	35			55			75		
16	bxc3	fxe6	36			56			76		
17	Qh5	g6	37			57			77		
18	Qxas	Qf6	38			58			78		
19	O-o	RF8	39			59			79		
20	Qxc7	Rc5	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Xia Peicheng			wang yanxiang			王天琦					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.22 Board 17

11:25 End

Group B14
Round 1

WHITE xia Pei cheng						FED		RESULT(W) 1			
BLACK Wang Yanxiang						FED		RESULT(B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Qe5	Qe7	41			61		
2	c4	e6	22	Qe4	Qf6	42			62		
3	Nc3	Nf6	23	Rd1	Qf7	43			63		
4	Bg5	Bb4	24	Rd6	Qf6	44			64		
5	e3	NC6	25	Be6	Qc3	45			65		
6	a3	Be7	26	Bd7	Kd7	46			66		
7	Nf3	h6	27	Bb8	Kc7	47			67		
8	Bh4	Bd7	28	Rc6	Kd8	48			68		
9	Bd3	dc	29	Rd1		49			69		
10	Bc4	Nh7	30			50			70		
11	Bg3	Ng5	31			51			71		
12	d5	Nat	32			52			72		
13	Ba2	Nf3	33			53			73		
14	Qf3	Bf6	34			54			74		
15	de	Bc3	35			55			75		
16	bc	te	36			56			76		
17	Rf5	e6	37			57			77		
18	Qa5	Qf6	38			58			78		
19	O-O	Rf8	39			59			79		
20	Qc7	Rc8	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Xia Peicheng			Wang Yanxiang			王天琦					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.2.22

Group B/4
Round 1
Board 17

WHITE Wu Zi hao										FED CHN	RESULT (W)
BLACK Gabriel Giverny										FED PHI	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	b3	Bt7	41			61		
2	Nf3	g6	22	Ra7	b4	42			62		
3	Bf4	Bg7	23	Rc2	Qb3	43			63		
4	e3	d6	24	Kh5	Nf3	44			64		
5	c3	O-O	25	Kf7	Rg2	45			65		
6	Be2	c5	26	Rg1	Re2	46			66		
7	h3	b6	27	Rd2	B	47			67		
8	O-O	Bb7	28	Kg1	Re2	48			68		
9	Nbd2	Nb6	29	Qg2	Kg	49			69		
10	Rc1	a6	30			50			70		
11	Qb3	Ra7	31			51			71		
12	Rf1	b5	32			52			72		
13	a4	Qc2	33			53			73		
14	Qh2	Ne1	34			54			74		
15	de	de	35			55			75		
16	Bh2	Ne4	36			56			76		
17	Nc4	bc	37			57			77		
18	Rd4	Nc5	38			58			78		
19	Rb7	Qb7	39			59			79		
20	Bc4	Qb7	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Wu Zi hao			Giverny			Z					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.2.22

Group B/4
Round 1
Board 18

WHITE Wu Zi hao										FED CHN	RESULT (W)
BLACK Gabriel Giverny										FED PHI	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Ne6	21	Bxc4	Qc6	41			61		
2	Nf3	g6	22	b3	Ra4	42			62		
3	Bf4	Bg7	23	Ra7	Ra7	43			63		
4	e3	d6	24	Bxc4	Rf2	44			64		
5	c3	O-O	25	Qb3	Kh8	45			65		
6	Be2	c5	26	Nf3	Rg2	46			66		
7	h3	b6	27	Kg2	Qf3	47			67		
8	O-O	Bb7	28	Kg1	Qe3	48			68		
9	Nbd2	Nb6	29	Kg2	Rf2	49			69		
10	Rc1	a6	30	Kg1	Re2	50			70		
11	Qb3	Ra7	31	Kh1	Qf3	51			71		
12	Rf1	b5	32	Kg1	Qg2	52			72		
13	a4	c4	33			53			73		
14	Qc2	Qa8	34			54			74		
15	Ne1	a5	35			55			75		
16	dxc5	dxc5	36			56			76		
17	Bh2	Ne4	37			57			77		
18	Nxc4	Bxc4	38			58			78		
19	Rxd7	Nc5	39			59			79		
20	Rxb7	Qb7	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Wu Zi hao			Giverny			Z					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.22 Board 19

WHITE: Lieyanto, Ryu Manson												FED	INA	RESULT (W)
BLACK: Zhang, Xiaozhe												FED	CHN	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3	d5	21	Nd4	Nd4	41	Rd8	Bg5	61	g4	Bf6			
2	g3	Nf6	22	Qc7	Ne2	42	Kd3	Kd6	62	Kc4	Be7			
3	Bg2	c5	23	Kg2	Nf1d	43	Kc3	Kc7	63	g4	Kc7			
4	O-O	Nf6	24	Rc1	Qc7	44	b4	Kd6	64	b4	B3g			
5	d4	Qb6	25	Rc7	Rd8	45	g3	Bg6	65	g4	Kb5			
6	b3	Bd7	26	Ra7	Bc7	46	Kc2	Bg5	66	Kb5	Be3			
7	Q3	cd	27	Rd6	f7	47	Rd3	Kc7	67	Be4	cb4			
8	Nd4	Bc5	28	Bf3	g5	48	g7	Kd6	68	Q6	Bb6			
9	Bb7	Rc8	29	h3	Bc8	49	Rg6	Kc7	69	Kb6				
10	Nd2	O-O	30	Rd8	Q4	50	Rg8	Bc6	70					
11	c4	ab	31	b3	f9	51	Rb8	Kd6	71					
12	Rc1	Nd4	32	Bd4	Be7	52	Bb8	Kc7	72					
13	Ra1	Nd6	33	Rd7	Bd7	53	Bc6	Kb8	73					
14	Ne2	dc	34	Bf4	Kf5	54	Bd7	h5	74					
15	Nc4	Bd7	35	Bb7	Bf6	55	Bd6	h4	75					
16	Rc1	b4	36	Bb6	Kc8	56	Bg4	h9	76					
17	Nd6	Rc7	37	Bb8	Bb8	57	f9	Be3	77					
18	Ne4	Ne4	38	Kf1	Bf6	58	Bf5	Kc7	78					
19	Be4	Qc8	39	Ke2	Kd6	59	g4	Kb6	79					
20	Qc2	h6	40	Rb8	Kc7	60	Kf3	Bg7	80					
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)								
Ryu			Zhang Xiaozhe			Z								

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 22/09/26 Board 19

WHITE: Ryu Lieyanto												FED	INA	RESULT (W)
BLACK: Zhang Xinoxle												FED	CHN	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3	d5	21	Nd4	Nd4	41	Pg8	B75	61	Na4	Rf6			
2	g3	Nf6	22	Qxc7	Ne2	42	Kd3	Kd3	62	Kc4	Rd7			
3	Bg2	c5	23	Fg2	Nxc1	43	Kc3	Kc5	63	a5	Kc7			
4	O-O	Nf6	24	Rxc1	Qxc7	44	h4	Kd6	64	b5	B75			
5	d4	Qb6	25	Rxc7	Dd8	45	a3	Bc6	65	h6	Kd7			
6	b3	Bd7	26	Ra7	Bc5	46	Kc2	Bc5	66	h5	Rc3			
7	Q3	cd	27	Rxc6	f5	47	Bd3	Kc7	67	h4	Kd8			
8	Nd4	Bc5	28	Bf3	g5	48	Pg7	Pd6	68	a6	Rc6			
9	Bb7	Rc8	29	h3	Bc6	49	Kc3	Pd8	69	Kd6	1-0			
10	Nd2	O-O	30	Rxc8	h4	50	Kc6	Bd8	70					
11	c4	ab	31	h3	h4	51	Kd6	Bd8	71					
12	Rc1	Nd4	32	Be4	Be7	52	Bd5	h7	72					
13	Ra1	Nd6	33	Ra7	Bd7	53	Bd6	Kx68	73					
14	Ne2	dc	34	Kd4	h7	54	Bd7	h5	74					
15	Nc4	Bd7	35	h7	Rf6	55	Bd6	h5	75					
16	Rc1	b5	36	Bb6	Kc8	56	Bd6	h5	76					
17	Nd6	Rc7	37	Bd8	Bd8	57	Pg7	Bc5	77					
18	Ne4	Nxc4	38	f5	Rf6	58	Rd5	g4	78					
19	Bxc4	Qc8	39	Ke2	Kc8	59	Kd6	Kb6	79					
20	Qc2	h6	40	Rb8	Kc7	60	Bd7	Bd5	80					
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)								
Ryu			Zhang Xinoxle			Z								